

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/KDTM-PT

Ngày 05-11-2020

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Nguyễn Văn Kiệp
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH D.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp L, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông HONG HYEON D, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Anh Phan Minh T, sinh năm 1991 (có mặt); Địa chỉ: Số 11 đường T, phường T, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoặc;

2. Anh Đỗ Đình L, sinh năm 1994. (có mặt); Địa chỉ: Số 11 đường T, phường T, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH Bao bì nhựa M.

Địa chỉ trụ sở: Lô A4, đường số 4, Cụm công nghiệp L, ấp B 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Momoe S, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V, chức danh: Giám đốc điều hành.

Ủy quyền lại cho: Bà Trần Kim L, sinh năm 1986, chức danh: Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự (có mặt); Địa chỉ: Số 55/10 đường L, phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH D trình bày:

Ngày 01/01/2019, Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D) và Công ty TNHH Bao bì nhựa M (gọi tắt là Công ty M) ký hợp đồng nguyên tắc số 03-0101/2019/HĐNT; theo đó Công ty D bán hàng hóa là mực in cho Công ty M và Công ty M sẽ thanh toán theo từng đơn đặt hàng, thời gian thanh toán là 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã giao hàng đầy đủ và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty M. Tổng số tiền hàng hóa đã giao từ ngày 14/8/2019 đến ngày 04/11/2019 là 496.951.400 đồng. Ngày 31/12/2019, hai công ty có lập Giấy xác nhận nợ, Công ty M cũng đã xác nhận số nợ 496.951.400 đồng. Nhưng đến nay, dù đã nhiều lần yêu cầu Công ty M vẫn chưa thanh toán chi Công ty D khoản tiền nào.

Nay, Công ty D yêu cầu Công ty M trả cho Công ty D số tiền hàng chưa thanh toán là 496.951.400 đồng và lãi chậm trả tính đến ngày 30/4/2020 là 24.571.436 đồng, yêu cầu trả lãi suất chậm trả từ ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử với mức lãi suất theo quy định của Luật thương mại.

Công ty D không nhận được thông báo nào từ Công ty M về việc hàng hóa bị lỗi, Công ty M cũng không thông báo cho Công ty D biết về các buổi làm việc do hàng hóa bị lỗi, do đó, Công ty D không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty M vì không có căn cứ xác định hàng hóa do Công ty D cung cấp bị lỗi.

Ngoài ra, công ty không còn yêu cầu gì khác

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo đơn phản tố ngày 10/6/2020 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Bao bì nhựa M - ông Trần Văn V và chị Trần Kim L trình bày:

Công ty M xác nhận có giao kết hợp đồng nguyên tắc số 03-0101/2019/HĐNT ngày 01/01/2019, có ký, đóng dấu xác nhận Giấy xác nhận số dư nợ với Công ty D và còn nợ số tiền hàng hóa là 496.951.400 đồng.

Do hàng hóa mà Công ty D cung cấp bị lỗi, Công ty M đã thông báo nhiều lần nhưng Công ty D không cử người xuống khắc phục, chỉ giải quyết thông qua nhắn tin trên zalo hoặc gọi điện thoại và vẫn không khắc phục được lỗi nên đến nay Công ty M chưa thanh toán số tiền hàng hóa còn nợ.

Việc hàng hóa mà Công ty D cung cấp bị lỗi dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty M nên Công ty M có yêu cầu phản tố, yêu cầu Công ty D bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty M do hàng hóa bị lỗi, tổng thiệt hại số tiền là

132.030.379 đồng và đề nghị khấu trừ số tiền này vào số tiền hàng chưa thanh toán. Ngoài ra, Công ty M không đồng ý trả lãi do chậm thanh toán.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 483, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D đối với Công ty TNHH Bao bì nhựa M về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Buộc Công ty TNHH Bao bì nhựa M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền 549.131.297 đồng (trong đó tiền gốc là 496.951.400 đồng; tiền lãi là 52.179.897 đồng)

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Bao bì nhựa M đối với Công ty TNHH D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mua bán số tiền là 132.030.379 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 17/9/2020, bị đơn Công ty M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các bên vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo: Công ty M kháng cáo yêu cầu Công ty D bồi thường thiệt hại 132.030.379đ do Công ty D giao hàng không đạt chất lượng, chứng cứ chứng minh là việc hai bên trao đổi qua lại bằng điện thoại (gọi điện, tin nhắn zalo), có các biên bản làm việc sản phẩm mực bị lem màu, bản kê biên bản hàng lỗi. Tuy nhiên, nội dung tin nhắn không đề cập đến hàng hóa bị lỗi được Công ty D xác nhận, các biên bản làm việc là biên bản nội bộ của Công

ty M không có sự tham gia của Công ty D, bản kê biên bản hàng lỗi với số tiền 132.030.379đ không được Công ty D thừa nhận về số lượng và giá trị hàng bị lỗi. Bị đơn cho rằng số lượng hàng hóa bị hư hiện còn lưu trữ, chưa bị tiêu hủy nhưng đến nay đã hết thời hạn khiếu nại về chất lượng nên không cần thiết phải cho giám định số hàng này. Với các lý do trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp và xét xử có mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 30, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Công ty M kháng cáo yêu cầu Công ty D bồi thường thiệt hại 132.030.379đ do Công ty D giao hàng không đạt chất lượng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[5] Ngày 01/01/2019 giữa Công ty M và Công ty D có giao kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa, theo đó quy định trách nhiệm của mỗi bên về chất lượng hàng hóa như sau:

[6] Công ty M có quyền từ chối nhận hàng nếu không đảm bảo đúng mẫu đã được hai bên ký duyệt, và thông báo cho Công ty D trong vòng 03 ngày để phối hợp giải quyết; Công ty D đảm bảo giao hàng đúng chất lượng như mẫu đã được duyệt, nếu lỗi thuộc về Công ty D thì phải khắc phục trong vòng 03 ngày, nếu giao hàng bị lỗi thì hoặc xử lý hàng lỗi chậm thì hai bên sẽ đàm phán để giải quyết vấn đề, phải đền bù cho Công ty M mọi tổn thất nếu xảy ra thiệt hại từ việc sử dụng hàng hóa của Công ty D.

[7] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của Công ty M là việc Công ty M có thông báo cho Công ty D bằng điện thoại (gọi điện, tin nhắn zalo), các biên bản làm việc sản phẩm mực bị lem màu, bảng kê biên bản hàng lỗi.

[8] Xét thấy, Công ty D không thừa nhận có việc thông báo hàng kém chất lượng từ Công ty M, qua xem xét toàn bộ nội dung tin nhắn qua zalo chỉ thể hiện cách thức khắc phục tình trạng phát sinh trong quá trình sử dụng sản phẩm, không đề cập đến hàng hóa bị lỗi. Công ty M có xuất trình các biên bản làm việc sản phẩm mực bị lem màu vào tháng 9, 10, 11 năm 2019 nhưng đây là các biên bản nội bộ, không có sự tham gia chứng kiến và ký tên của Công ty D.

[9] Tại phiên tòa hôm nay Công ty M cho rằng các sản phẩm bị lỗi hiện bị đơn vẫn còn lưu giữ, chưa tiêu hủy nhưng đã chuyển sang dạng ó, không còn hình dạng như ban đầu. Tuy nhiên đã quá thời hạn 06 tháng để khiếu nại về chất lượng hàng hóa (khoản 2 Điều 318 Luật thương mại), hàng đã chuyển sang dạng

ó, không còn hình dạng như ban đầu nên không thể giám định được chất lượng tại thời điểm giao hàng. Ngoài ra, bảng kê biên bản hàng lỗi với số tiền 132.030.379đ cũng không được Công ty D thừa nhận về số lượng và giá trị hàng bị lỗi.

[10] Với những căn cứ nêu trên, xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty M như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức lãi suất trong bản án để tính trách nhiệm chậm thi hành án đối với Công ty M theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường (Điều 306 Luật thương mại) là không đúng mà phải theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giảm lãi suất cho bị đơn (điểm b khoản 1, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Do vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này, bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 483, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D đối với Công ty TNHH Bao bì nhựa M về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Buộc Công ty TNHH Bao bì nhựa M phải thanh toán tiền hàng còn thiếu cho Công ty TNHH D với số tiền là 549.131.297 đồng (trong đó tiền gốc là 496.951.400 đồng; tiền lãi là 52.179.897 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Bao bì nhựa M đối với Công ty TNHH D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mua bán hàng hóa với số tiền là 132.030.379 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

Công ty TNHH Bao bì nhựa M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.965.250 đồng (do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu) và 6.601.518 đồng (do bị đơn bị bác yêu cầu), tổng cộng là 32.566.768 đồng; Công ty TNHH Bao bì nhựa M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm đã nộp là 3.300.000 đồng và 2.000.000đ theo biên lai số 0005559 ngày 15/6/2020; số 0006232 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Công ty TNHH Bao bì nhựa M còn phải nộp tiếp số tiền 27.266.768 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.430.000đồng theo biên lai số 0005093 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc